

BẾN KHÔNG CHỒNG - NHỮNG ÁM ẢNH KHÓ QUÊN TỪ TRANG SÁCH ĐẾN MÀN ẢNH

PHAN BÍCH THỦY*

TÓM TẮT

Tiểu thuyết Bến không chồng của nhà văn Dương Hương được đạo diễn Lưu Trọng Ninh dựng thành phim truyện cùng tên năm 1999. Thông qua mối quan hệ của nhân vật Nguyễn Văn với các nhân vật khác trong tác phẩm, tác giả đã khắc họa sâu sắc thân phận những con người ở làng Đông với bao trắc trở, đổ vỡ và bi thương, mang lại cho người xem nhiều ám ảnh khó quên.

Từ khóa: phim truyện chuyển thể từ văn học, “Bến không chồng”.

ABSTRACT

“Bến không chồng” - a unforgettable obsession from novel to film

“Bến không chồng”, a novel by Huong Duong, it was transformed into a movie with the same title in 1999 by director Luu Trong Ninh. Through interactions between the main character, Nguyen Van, and other people, the author delineates people’s fates in the East Village filled with contretemps, crackers and suffering that brings readers many unforgettable obsessions.

Keywords: films based on a written material, “Bến không chồng”.

Tiểu thuyết **Bến không chồng** của nhà văn Dương Hương là một trong ba tác phẩm văn xuôi được giải thưởng Văn học của Hội nhà văn Việt Nam năm 1991. **Bến không chồng** tái hiện cuộc đời của những con người ở một làng nông thôn Bắc Bộ với bao trắc trở, đổ vỡ và bi thương, thời gian trong và sau chiến tranh. Đạo diễn Lưu Trọng Ninh rất tâm đắc khi chọn tác phẩm **Bến không chồng** để dựng thành phim truyện cùng tên. Đạo diễn chia sẻ: “Tôi rất thích chất văn của Dương Hương, thật thà nhưng không kém phần sâu sắc. Tôi vô cùng cảm động và khâm phục sự hy sinh chịu đựng giữ trọn lòng thủy chung của những người phụ nữ làng Đông có chồng con đi chiến đấu” [5, tr.28]. Sau sáu năm chuẩn bị và hoàn thiện kịch bản, phim **Bến không**

chồng được sản xuất năm 1999 và nhận được giải Bông sen bạc tại Liên hoan phim Quốc gia năm 2001.

Khi đưa tiểu thuyết **Bến không chồng** lên phim, các tác giả điện ảnh hầu như trung thành với chủ đề và bám sát cốt truyện của tác phẩm văn học. Đây là cách chuyển thể quen thuộc. Tuy nhiên, mỗi loại hình nghệ thuật lại có những phương cách thể hiện riêng nên giữa tiểu thuyết và phim truyện vẫn có sự khác biệt nhất định.

Cốt truyện chính từ văn học đến màn ảnh: mô tả thân phận khốn khổ của những con người làng Đông qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ. Bên cạnh nỗi đau do chiến tranh gây ra, con người còn bị “bầm dập” vì những định kiến, lễ thói khắc nghiệt của xã hội. Những định kiến đã trở thành “bóng ma vô hình” bao vây, bóp nghẹt lấy cuộc đời

* NCS, Đại học Sân khấu Điện ảnh TP HCM

từng con người làng Đông, can thiệp vào đời sống riêng tư của những người vợ góa như bà Hôn, bà Nhân, hay những cô gái trẻ khát khao hạnh phúc như Hạnh, Thắm, Dâu... Và ngay cả những người đàn ông “hiếm hoi” của làng Đông cũng chịu chung số phận, đặc biệt nghiệt ngã đối với ông Vạn, khi ông buộc phải chọn cái chết để kết thúc bi kịch của đời mình.

Trong tiểu thuyết cũng như trên màn ảnh, Nguyễn Vạn là nhân vật trung tâm kết nối với các nhân vật khác trong tác phẩm để nêu bật ba chủ đề lớn: Cải cách ruộng đất, nỗi cô đơn và chủ nghĩa khắc kỷ. Cả ba chủ đề đan xen, kết hợp, bổ sung làm cho câu chuyện trong tiểu thuyết và trên phim trở nên đa dạng, phức tạp, chứa đựng nhiều cảm xúc, mang lại cho người xem nhiều ám ảnh khó quên.

Mở đầu tiểu thuyết, Nguyễn Vạn - người chiến sĩ về vang từ chiến trường Điện Biên phục viên trở về làng. Nhà văn Dương Hương viết: *“Người làng Đông không còn nhận ra Nguyễn Vạn. Thằng Vạn mất toét bỏ làng đi bây giờ về đây. Đó ai còn dám coi thường Nguyễn Vạn. Hãy cứ nhìn những tấm huân chương rung rinh lấp lánh trên ngực Vạn...”*. [1, tr.5]

Với thành tích về vang ở chiến trường, Nguyễn Vạn nhanh chóng trở thành thần tượng của cả làng. Từ già đến trẻ trong làng Đông, nhất nhất một điều chú Vạn, hai điều chú Vạn. Mọi việc lớn nhỏ trong làng, Nguyễn Vạn hết lòng tham gia với tâm huyết, trách nhiệm của người chiến sĩ xung kích. Nhiều phụ nữ cô đơn ưu ái dành cho Nguyễn Vạn tình cảm đặc biệt và mong ước được ông đáp lại. Đó là bà Nhân - vợ góa liệt sĩ và bà

Hôn - vợ góa trong một gia đình địa chủ vừa bị cải tạo. Nhưng họ càng muốn gần gũi thì Nguyễn Vạn lại cố gắng lánh tránh vì sợ “mất quan điểm”, bởi ông là Đảng viên và là người lãnh đạo. Mọi lúc mọi nơi, Nguyễn Vạn gồng mình để kìm nén tình cảm cá nhân, gìn giữ *“phẩm giá của mình”*

Từ tiểu thuyết đến phim, người xem được chứng kiến không khí của thời kỳ sau “cải cách ruộng đất” ở làng Đông. Những người có dính líu đến địa chủ phần nhiều bị phân biệt đối xử, kỳ thị như mẹ con bà Hôn trong tác phẩm. Khi thằng Tôn, con bà Hôn bị trẻ làng trói lại và *“đả đảo đồ địa chủ”*, nó được ông Vạn ra tay che chở. Khốn khổ nhất đối với mẹ con thằng Tôn là bị làng xóm miệt thị, khinh bỉ. Tuy mang tiếng là *“địa chủ”* nhưng cuộc sống của họ cũng không hơn gì những người lao động trong làng. Lớn lên, thằng Tôn xung phong đi bộ đội, nó nói: *“Tôi đi bộ đội để mẹ tôi được ngẩng cao đầu”*... [3]. Sau này, thằng Tôn hy sinh ở chiến trường, bà Hôn từ vợ địa chủ trở thành mẹ liệt sĩ. Chi tiết này có phần khác biệt giữa văn học và điện ảnh. Trong tiểu thuyết, nhà văn để thằng Tôn trở về làng, xây nhà lấy vợ và làm giàu. Nhưng trên phim, các tác giả điện ảnh lại cho nhân vật Tôn hy sinh ở chiến trường. Sự thay đổi này đã nhấn mạnh sâu hơn sự tác động nặng nề của dư luận xã hội đến tâm lý, tình cảm và sự hình thành nhân cách của con người. Góp phần làm sâu sắc hơn những ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử đến những vấn đề xã hội mà các tác giả đặt ra trong tác phẩm.

Chủ đề về nỗi cô đơn và lòng vị kỷ xuyên suốt tiểu thuyết và phim, được in đậm qua cuộc đời nhân vật Nguyễn Vạn và những người phụ nữ yêu thương ông. Ngay từ ngày mới về làng, ông Vạn đã ra tay bảo vệ thằng Tồn thoát khỏi sự “si nhục” của trẻ làng, nên trong mắt bà Hôn, ông Vạn là “vị cứu tinh” mà bà khát khao được tôn thờ, yêu thương. Nhưng cách thể hiện tình cảm mạnh bạo của bà Hôn, càng khiến ông Vạn lánh xa bà: “...Tôi nào hứng lên, mẹ Hôn lại vác chiếc chõng tre ra sân nằm tênh hênh vén quần lên khoe bộ đùi trắng lóp...Mẹ ta giống y như con mèo cái nhà mẹ mỗi lần ngáy đực nó lại rượt trên mái nhà gào rống lên từng cơn. Mỗi lần có tiếng mèo gào, mẹ Hôn lại giả vờ tức, nhảy lên đập cửa gọi Vạn:

- Bác Vạn ơi dậy lấy cây sào mà đập cho nó một trận để nó chữa đi. Nghe nó gào thế ai mà chịu được.

Nguyễn Vạn ngó qua khe cửa, thấy mẹ Hôn ăn mặc hở hênh đứng thờ dài thườn thượt...”. [1, tr.188]

Từ rất nhiều chi tiết ở tác phẩm văn học, các tác giả điện ảnh chọn lọc những chi tiết hình ảnh giàu tính ẩn dụ để miêu tả tâm trạng “tự đấu tranh” của ông Vạn như: khi ông vô tình nhìn thấy bà Hôn tắm dưới ao trong đêm tối và vội vàng quay đi. Hay hình ảnh ông Vạn lôi con gà trống của mình ra khỏi lồng khi bà Hôn cố tình nhốt nó chung với con gà mái của mình. Khi danh dự và uy tín của ông Vạn càng cao trong làng, ông càng cố gắng sống “ép xác” để phù hợp với khuôn phép của lệ làng và che giấu tâm trạng bất an của mình. Để tạo niềm tin cho bản

thân, ông Vạn luôn mang khẩu súng trường bên mình, kể cả lúc ngủ. Không chịu nổi, một lần bà Hôn lao vào ôm lấy ông thôn thức: “Anh phải lấy vợ chứ? Anh định ôm cây súng cả đời hay sao?”...[3]

Người ông Vạn thật sự yêu là bà Nhân, nhưng ông cũng không dám công khai tình cảm của mình. Ngay cả gặp gỡ bà Nhân cũng khiến ông ngại ngùng. Một lần bắt được nhiều cá rô “Vạn quyết định mang cho chị Nhân một nửa. Đêm tối thế chả ai biết mà ngại. Nguyễn Vạn lập cập bước vào ngõ nhà chị Nhân không dám bấm đèn” [1, tr.147]. Nhiều lần ông muốn nói chữ “yêu” với bà Nhân nhưng tình yêu ấy vẫn câm lặng trong lòng: “Tôi yêu chị đấy từ lâu rồi, chị có dám không? Không! Không bao giờ lại xảy ra điều khủng khiếp ấy. Trên đời này còn bao nhiêu chuyện ràng buộc: danh dự, uy tín...” [1, tr.150]. Là vợ liệt sĩ (có chồng và con trai hy sinh trong kháng chiến) nên bà Nhân cũng dè dặt trong tình cảm đối với ông Vạn.

Điều đáng buồn là không chỉ ông Vạn, bà Nhân, mà hầu như mọi người trong làng Đông đều tuân thủ luật lệ vô hình ấy, họ hành xử vì lòng vị kỷ đã trở thành thói quen. Người này “trông chừng” người kia và cả làng Đông bao trùm trong không khí nặng nề, u ám. Trong lần ông Vạn mang cá rô đến cho bà Nhân, trời mưa tầm tã, quần áo ông ướt hết. Bà Nhân lấy đồ dùng của con trai (đã hy sinh) để ông Vạn thay và... hai người vô tình “chạm nhau”. Họ hốt hoảng bưng tỉnh. Trên phim, ông Vạn và bà Nhân bị giật mình bởi “tiếng keng báo

động” vang lên rộn rã khắp làng. Ông Vạn vội vã chạy về, bỏ mặc người đàn bà yêu mình ngỡ ngàng, xấu hổ. Tiếng kèn ấy như bóng ma vô hình đã “báo tử” biết bao mối tình mới chớm nở ở làng Đông. Hạnh, con gái bà Nhân vì thương mẹ có lần đã thẳng thắn nói với ông Vạn: “*Chú hèn lắm, hai mươi năm mẹ cháu chờ chú, hay là chú bắt lức*”. [3]

Thế hệ thứ hai của làng Đông cũng gặp phải bi kịch tương tự. Tiêu biểu nhất là cặp đôi Nghĩa và Hạnh. Tình yêu của họ được chớm nở từ khi còn là những đứa trẻ, cùng học hành, vui chơi và nếm trải những vui buồn của làng quê. Họ yêu nhau nhưng bị ngăn cản vì mâu thuẫn lâu đời của dòng họ. Cuối cùng, nhờ sự giúp đỡ của đoàn thể họ đến được với nhau. Những tưởng tình yêu được thử thách sẽ bền chặt. Nhưng thời gian trôi qua, Hạnh vẫn chưa có con đã làm phật ý gia đình chồng. Lờ ra tiếng vào, mẹ Nghĩa lặng lẽ tìm vợ mới cho con trai. Nghĩa bận công việc ở đơn vị không hề hay biết, Hạnh tự ái viết giấy li hôn và trở về nhà mẹ. Trong tâm trạng hoang mang, cô đơn đến tột cùng: “*Hạnh đã nhận ra trên đời này chỉ có Vạn là người đàn ông duy nhất hiểu và thương yêu nó*” [1, tr.292]. Suy nghĩ ấy đã đưa Hạnh đến với chú Vạn, cô đau đớn cho thân phận những phụ nữ không con: “*Chả lẽ mọi người đàn bà không có con đều bỏ đi?...*”. Với ý nghĩ ấy, Hạnh chủ động mang niềm vui đến cho “chú Vạn”, Hạnh trấn an ông: “*Ôi, con người khốn khổ đáng thương... Đừng sợ, sẽ chẳng ai biết đâu. Chả lẽ cháu lại không mang lại niềm vui cho ai?*” [1, tr.292]. Nhưng Hạnh đã lầm, sau cái đêm định mệnh ấy, cuộc sống ông Vạn

trở thành địa ngục, ông luôn tự dằn vặt: “*thấy mình là kẻ khốn nạn, sa đọa, hủy hoại cả cuộc đời tiết hạnh của Hạnh...*” [1, tr.292]. Còn bản thân Hạnh không thể ngờ mình lại có thai, cô quyết định bỏ làng đi xa.

Nghĩa - người chồng sĩ quan “*đẹp trai nhất làng*” của Hạnh, sau khi lấy vợ mới nhưng vẫn không có con. Thất vọng, buồn chán, anh bỏ vợ mới, trở về làng Đông. Trong tâm trạng đau xót, ân hận vì chia tay với Hạnh, Nghĩa xót xa nhìn lại bi kịch của mình và mọi người trong làng Đông: “*Đêm đêm nằm trơ trọi một mình trong ba gian nhà mái bằng lạnh ngắt, anh mới nhìn lại bản thân, nhìn lại cảnh làng Đông từ bao năm nay cũng không ít người có cảnh ngộ giống anh. Chú Vạn... Hôm ra thăm chú, Nghĩa sững sờ nhìn lên gương mặt chú gầy sòm đi, tóc bạc trắng như một ông lão. Còn Thành suốt đời phải mang bộ mặt dị dạng không vợ con. Cúc ngày xưa ùng ùng mang trả trầu cau Thành, đã tưởng lấy được đám khác khá hơn, ai ngờ vợ bèo vạt tép làm lẽ ông Ba Chương. Dâu ngày xưa lem lém vậy, giờ lại lấy cửa Phật làm vui. Đến như cái Thắm rục rở nhất nhì làng Đông bây giờ vẫn vò võ nuôi con một mình...*” [1, tr.301]

Cả tiểu thuyết và phim đều kết thúc bằng cái chết bi thương của ông Vạn. Trong tiểu thuyết, ông nhảy xuống sông. Nhưng trên phim, các tác giả lại để ông treo cổ. Đúng như lời đúc kết của cụ bà trong phim: “*Kẻ không biết bơi thì nhảy xuống sông, kẻ biết bơi thì treo cổ*” [3]. Cái chết của Nguyễn Vạn đã làm cả làng Đông “bùng tỉnh”, nhà văn Dương Hường viết: “*Bao nhiêu năm nay Nguyễn*

Vạn sống lặng lẽ trong ngôi nhà vườn uơm giờ bỗng dựng cái chết của Nguyễn vạn lại làm thức tỉnh mọi người dân làng Đông nghĩ về một điều gì đó (...) tất cả mọi người ai cũng thấy rằng mình đang khóc – khóc âm thầm lặng lẽ, khóc về nỗi đau nhân tình, khóc cho một linh hồn cô độc”. [1, tr.309-310]

So với văn học, đoạn kết trên phim tạo nhiều ám ảnh cho người xem. Một lần nữa, các tác giả lại dùng “tiếng keng báo động” âm vang khi không gian đã chìm trong đêm tối, nhưng xung quanh nhà ông Vạn vẫn có một đám người đang dòm ngó. Bởi trong nhà có Hạnh và con gái trở về sống với ông Vạn. Bằng cách dùng “tiếng keng báo động”, các tác giả điện ảnh muốn nhấn mạnh sâu hơn ý tưởng đã có trong văn học: Con người đôi khi không chết vì “làn tên mũi đạn” nơi chiến trường, nhưng có thể chết vì những định kiến hẹp hòi, lẽ thói cổ hủ. Vì vậy, câu chuyện trên phim trở nên nặng nề, u ám và có phần khắc nghiệt.

Mỗi nhân vật chính trong tác phẩm **Bến không chồng** đều mang trong mình những nỗi niềm ân ức, đặc biệt là nhân vật Vạn và Hạnh. Họ là hiện thân của những “Nhân vật luôn đứng giữa giáp ranh giữa thiện – ác, hiền – dữ, luôn luôn ở thế giằng co, chống chọi giữa cái bên

trong mình và cái nghịch cảnh bên ngoài; luôn luôn ở trạng thái hồi hận, nuối tiếc và cô đơn” [2, tr.148]. Chính điều này đã tạo nên sức lôi cuốn cho tác phẩm ở cả văn học và điện ảnh. Mỗi tình của Hạnh và Nghĩa trong văn học được miêu tả rất đẹp và lãng mạn, như một điểm nhấn, mang lại sự tươi trẻ cho tác phẩm văn học, thì trên phim mỗi tình này chưa tạo được cảm xúc cho người xem. Nhân vật Nghĩa như một cái bóng đi bên Hạnh, không thể hiện rõ sắc thái, tâm trạng nên mỗi tình của họ trên phim mờ nhạt. Mặt khác, các tác giả điện ảnh hơi tham lam khi mô tả lần lượt tất cả các nhân vật có trong tiểu thuyết, nên câu chuyện phim dần trải thiếu tập trung.

Tuy vậy, **Bến không chồng** từ trang sách đến màn ảnh vẫn có điểm chung, đúng với nhận xét của nhà nghiên cứu Lê Ngọc Trà: “*Cách mạng chiến tranh đâu phải lúc nào cũng là ngày hội. Đất nước, dân tộc đau thương, đời riêng máy ai lành lặn ?... Huống chi văn học trong bản chất sâu xa của nó, là một nỗi đau đời, là sự nuối tiếc không nguôi về thời gian, về thân phận, về những gì không lặp lại, và huống chi nỗi buồn ấy không phải bao giờ cũng yếu đuối, vô ích*”. [4, tr.65]

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Hương (2004), *Bến không chồng*, Nxb Hải Phòng.
2. Hội Nhà văn (2000), *Nam Cao, con người và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Lưu Trọng Ninh (1999), *Bến không chồng*, Hãng phim truyện Việt Nam.
4. Lê Ngọc Trà (2001), “Văn học về con người” in trong kỷ yếu *Khoa Ngữ văn một phần tư thế kỷ*, Đại học Sư phạm TP HCM.
5. Huyền Trang (1999), “Bến không chồng”, *Tạp chí Điện ảnh Kịch trường*, (61).

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 05-4-2011; ngày chấp nhận đăng: 09-5-2011)